|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG THCS…**TỔ KHOA HỌC XÃ HỘI**  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**MÔN NGỮ VĂN - LỚP 7 (*Bộ sách kết nối tri thức với cuộc sống*)**

**NĂM HỌC 2023-2024**

Học kỳ 1: 4 tiết/tuần x 18 tuần = 72 tiết

Học kỳ 2: 4 tiết/tuần x 17 tuần = 68 tiết

Cả năm: 4 tiết/tuần x 35 tuần = 140 tiết

**Họ và tên giáo viên**: ***………………*** **Trình độ đào tạo**: ……… **Dạy lớp**: ……………………

**I. Kế hoạch dạy học**

 **HỌC KỲ I**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| 1 | **BÀI 1. BẦU TRỜI TUỔI THƠ (13 tiết)** |
| 1 | Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn; Đọc VB1: Bầy chim chìa vôi | 3 | - Nêu được ấn tượng chung về văn bản và những trải nghiệm giúp bản thân hiểu thêm văn bản.- Nhận biết được các chi tiết tiêu biểu, đề tài, câu chuyện, nhân vật và tính cách nhân vật trong truyện.- Hiểu được tác dụng của việc dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và mở rộng trạng ngữ trong câu.- Biết tóm tắt một văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài.- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống, tóm tắt được các ý chính do người khác trình bày.- Biết yêu quý tuổi thơ và trân trọng giá trị của cuộc sống. |
| 2 |
| 3 |
| 4 | Thực hành tiếng Việt: Mở rộng trạng ngữ của câu bằng cụm từ, từ láy | 1 |
| 2 | 5 | Đọc VB2: Đi lấy mật | 3 |
| 6 |
| 7 |
| 8 | Thực hành tiếng Việt: Mở rộng thành phần chính của câu bằng cụm từ | 1 |
| 3 | 9 | Đọc VB3: Ngàn sao làm việc | 1 |
| 10 | Viết: Tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài | 1 |
| 11 | Thực hành viết: Tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài | 1 |
| 12 | Nói và nghe: Trao đổi về một vấn đề mà em quan tâm. | 1 |
| 4 | 13 | Trả bài viết: Tóm tắt văn bản theo những yêu cầu khác nhau về độ dài | 1 |
| **BÀI 2. KHÚC NHẠC TÂM HỒN (12 tiết)** |
| 14 | Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn; Đọc VB1: Đồng dao mùa xuân | 3 | - Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ bốn chữ, năm chữ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.- Nhận biết được biện pháp tu từ nói giảm nói tránh và hiểu được tác dụng của việc sử dụng biện pháp tu từ này.- Bước đầu biết làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ; viết được đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ, năm chữ.- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.- Biết trân trọng, vun đắp tình yêu con người, thiên nhiên, quê hương, đất nước. |
| 15 |
| 16 |
| 5 | 17 | Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ, nghĩa của từ ngữ | 1 |
| 18 | Đọc VB2: Gặp lá cơm nếp | 1 |
| 19 | Đọc VB3: Trở gió | 1 |
| 20 | Thực hành tiếng Việt: Nghĩa của từ ngữ, biện pháp tu từ  | 1 |
| 6 | 21 | Tập làm một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ | 1 |
| 22 | Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ.  | 1 |
| 23 | Thực hành: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ | 1 |
| 24 | Nói và nghe: Trình bày suy nghĩ về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ tác phẩm văn học đã đọc) | 1 |
| 7 | 25 |  Trả bài: Viết đoạn văn ghi lại cảm xúc sau khi đọc một bài thơ bốn chữ hoặc năm chữ  | 1 |
| **BÀI 3. CỘI NGUỒN YÊU THƯƠNG (13 tiết+4 tiết ôn tập, kiểm tra, trả bài giữa kì 1+1 tiết đọc mở rộng)** |
| 26 | Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn; Đọc VB1: Vừa nhắm mắt vừa mở cửa sổ | 3 | - Nhận biết được tính cách nhân vật; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện trong một truyện kể.- Thể hiện được thái độ đối với cách giải quyết vấn đề của tác giả trong truyện.- Nhận biết được đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.- Bước đầu biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.- Biết bồi đắp, trân trọng tình yêu thương. |
| 27 |
| 28 |
| 8 | 29 | Thực hành Tiếng Việt: Số từ | 1 |
| 30 | Đọc VB2: Người thầy đầu tiên | 2 |
| 31 |
| 32 | Thực hành Tiếng Việt: Phó từ  | 1 |
| 9 | 33 | Ôn tập giữa học kỳ 1 | 1 | - Củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học từ tuần 1 đến tuần 8.- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. |
| 34 | Kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ 1 | 2 | Chọn các yêu cầu cần đạt về đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và viết theo phạm vi:- Đọc hiểu: truyện; thơ bốn chữ, năm chữ.- Tiếng Việt: Dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và mở rộng trạng ngữ trong câu, biện pháp tu từ nói giảm nói tránh, số từ, phó từ- Viết: tóm tắt văn bản, đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có bốn chữ, năm chữ. |
| 35 |
| 36 | Đọc VB3: Quê hương | 1 | - Nhận biết được tính cách nhân vật; nhận biết và nêu được tác dụng của việc thay đổi kiểu người kể chuyện trong một truyện kể.- Thể hiện được thái độ đối với cách giải quyết vấn đề của tác giả trong truyện.- Nhận biết được đặc điểm của số từ, phó từ và hiểu được chức năng của các từ loại này để sử dụng đúng và hiệu quả.- Bước đầu biết viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học.- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.- Biết bồi đắp, trân trọng tình yêu thương. |
| 10 | 37 | Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | 2 |
| 38 |
| 39 | Thực hành: Viết bài văn phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học | 1 |
| 40 | Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống (được gợi ra từ một nhân vật văn học) | 1 |
| 11 | 41 | Trả bài: Phân tích đặc điểm nhân vật trong một tác phẩm văn học  | 1 |
| 42 | Đọc mở rộng | 1 | - HS biết vận dụng kiến thức và kĩ năng được học trong bài 1. *Bầu trời tuổi thơ,* bài 2. *Khúc nhạc tâm hôn,* bài 3. *Cội nguồn yêu thương* để tự đọc những VB mới có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với những VB chính đã học trong những bài này; trình bày, trao đổi kết quả đọc mở rộng tại lớp.- HS nêu được nội dung chính và chủ đề của mỗi VB vừa đọc; trình bày được đặc điểm tính cách nổi bật của nhân vật trong một truyện kể, những thay đổi đối với truyện kể khi ngôi kể thay đổi; nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ bốn chữ hoặc bài thơ năm chữ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ. |
| 43 | Trả bài kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ 1 | 1 | - HS nhận biết ưu, nhược điểm bài kiểm tra, đánh giá giữa học kì I. - Rèn kỹ năng đánh giá bài viết cho mình và cho bạn một cách nghiêm túc, chân thực.- Rút kinh nghiệm cho bản thân. |
| **BÀI 4. GIAI ĐIỆU ĐẤT NƯỚC (12 tiết)** |
| 44 | Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn; Đọc VB1: Mùa xuân nho nhỏ | 3 | - Nhận biết và nhận xét được nét độc đáo của bài thơ thể hiện qua từ ngữ, hình ảnh, vần, nhịp, biện pháp tu từ.- Nhận biết được tình cảm, cảm xúc của người viết thể hiện qua ngôn ngữ văn bản.- Hiểu được khái niệm ngữ cảnh, nghĩa của từ ngữ trong ngữ cảnh và biết vận dụng để dùng từ ngữ đúng với ngữ cảnh.- Viết được bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.- Yêu mến, tự hào về vẻ đẹp của quê hương đất nước. |
| 12 | 45 |
| 46 |
| 47 | Thực hành Tiếng Việt: Ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh, biện pháp tu từ | 1 |
| 48 | Đọc VB2: Gò Me | 2 |
| 13 | 49 |
| 50 | Thực hành Tiếng Việt: Nghĩa của từ ngữ, dấu câu, biện pháp tu từ | 1 |
| 51 | Đọc VB3: Bài thơ “Đường núi” của Nguyễn Đình Thi | 1 |
| 52 | Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc | 1 |
| 14 | 53 | Thực hành: Viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc | 1 |
| 54 | Nói và nghe: Trình bày ý kiến về những hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng | 1 |
| 55 | Trả bài: Viết bài văn biểu cảm về con người và sự việc  | 1 |
| **BÀI 5. MÀU SẮC TRĂM MIỀN (12 tiết+ 4 tiết ôn tập, kiểm tra, trả bài cuối kì 1+1 tiết đọc mở rộng)** |
| 56 | Giới thiệu bài học: Tri thức ngữ văn; Đọc VB1: Tháng Giêng, mơ về trăng non rét ngọt. | 3 | - Nhận biết được chất trữ tinh, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản.- Nhận biết được sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ các vùng miền.- Viết được văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền. |
| 15 | 57 |
| 58 |
| 59 | Thực hành Tiếng Việt: Dấu câu và biện pháp tu từ | 1 |
| 60 | Ôn tập cuối học kỳ 1 | 1 | - Củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học ở HK1.- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. |
| 16 | 61 | Kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ 1 | 2 | Chọn các yêu cầu cần đạt về đọc hiểu, Thực hành tiếng Việt và viết theo phạm vi:- Đọc hiểu: truyện; thơ bốn chữ, năm chữ; tùy bút, tản văn - Tiếng Việt: Dùng cụm từ để mở rộng thành phần chính và mở rộng trạng ngữ trong câu, biện pháp tu từ nói giảm nói tránh, số từ, phó từ, ngữ cảnh và nghĩa của từ trong ngữ cảnh, từ ngữ địa phương - Viết: tóm tắt văn bản, đoạn văn ghi lại cảm xúc về một bài thơ có bốn chữ, năm chữ, phân tích nhân vật văn học, bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc. |
| 62 |
| 63 | Đọc VB2: Chuyện cơm hến | 2 | - Nhận biết được chất trữ tinh, cái tôi tác giả, ngôn ngữ của tuỳ bút, tản văn và hiểu được chủ đề, thông điệp của văn bản.- Nhận biết được sự phong phú, đa dạng của ngôn ngữ các vùng miền.- Viết được văn bản tường trình rõ ràng, đầy đủ, đúng quy cách.- Trình bày được ý kiến về một vấn đề đời sống; biết trao đổi một cách xây dựng, tôn trọng các ý kiến khác biệt.- Biết yêu mến, trân trọng vẻ đẹp phong phú, đa dạng của các vùng miền. |
| 64 |
| 17 | 65 | Thực hành Tiếng Việt: Từ ngữ địa phương | 1 |
| 66 | Đọc VB3: Hội lồng tồng | 1 |
| 67 | Viết văn bản tường trình | 1 |
| 68 | Thực hành viết: Văn bản tường trình | 1 |
| 18 | 69 | Nói và nghe: Trình bày ý kiến về vấn đề văn hóa truyền thống trong xã hội hiện đại | 1 |
| 70 | Trả bài: Viết văn bản tường trình  | 1 |
| 71 | Đọc mở rộng | 1 | HS chia sẻ với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB trong bài 4. *Giai điệu đất nước* và bài 5. *Màu sắc trăm miền.* Qua việc chia sẻ kết quả đọc mở rộng, HS thể hiện khả năng vận dụng kiến thức và kĩ năng được học để tự đọc những VB mới thuộc thể loại thơ, tuỳ bút, tản văn. |
| 72 | Trả bài kiểm tra, đánh giá cuối học kỳ 1 | 1 | - HS nhận biết ưu, nhược điểm của bài kiểm tra, đánh giá cuối học kì I.- Rèn luyện và phát triển kĩ năng viết bài văn biểu cảm về con người hoặc sự việc.- Nghiêm túc rút ra bài học cho bản thân mình khi nhận xét bài của mình và của bạn. |

 **HỌC KỲ II**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần** | **Tiết** | **Bài học** | **Số tiết** | **Yêu cầu cần đạt** |
| **BÀI 6. BÀI HỌC CUỘC SỐNG (12 tiết)** |
| 19 | 73 | Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn; Đọc VB1: Đẽo cày giữa đường, ếch ngồi đáy giếng, Con mối và con kiến. | 3 | - Nhận biết được một số yếu tố của truyện ngụ ngôn: đề tài, tình huống, cốt truyện, nhân vật, chủ đề.- Nhận biết được một số yếu tố của tục ngữ: số lượng cầu, chữ; vần.- Hiểu được đặc điểm và chức năng của thành ngữ, đặc điểm và tác dụng của biện pháp tu từ nói quá.- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống, trình bày rõ vấn đề và ý kiến của người viết; đưa ra lí lẽ rõ ràng và bằng chứng đa dạng.- Biết kể lại một truyện ngụ ngôn: kể đúng cốt truyện gốc, có cách kể chuyện linh hoạt, hấp dẫn.- Có ý thức học hỏi kinh nghiệm, trí tuệ của dần gian hay cùa người xưa để rèn các đức tính: khiêm tốn, cẩn trọng, kiên trì, nhân nghĩa, có trách nhiệm. |
| 74 |
| 75 |
| 76 | Thực hành tiếng Việt: Thành ngữ | 1 |
| 20 | 77 | Đọc VB2:Một số câu tục ngữ Việt Nam | 2 |
| 78 |
| 79 | Thực hành tiếng Việt: Biện pháp tu từ nói quá | 1 |
| 80 | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành) | 1 |
| 21 | 81 | Thực hành: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành) | 1 |
| 82 | Đọc VB3: Con hổ có nghĩa | 1 |
| 83 | Nói và nghe: Kể lại một truyện ngụ ngôn | 1 |
| 84 | Trả bài: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (trình bày ý kiến tán thành) | 1 |
| **BÀI 7. THẾ GIỚI VIỄN TƯỞNG (12 tiết + 1 tiết đọc mở rộng)** |
| 22 | 85 | Giới thiệu bài học; Tri thức Ngữ văn;Đọc VB1: Cuộc chạm trán trên đại dương | 3 | - Nhận biết được một số yếu tố của truyện khoa học viễn tưởng: đề tài, sự kiện, tình huống, cốt truyện, nhân vật. không gian, thời gian; tóm tắt được VB một cách ngắn gọn.- Hiểu được đặc điểm và chức năng của liên kết và mạch lạc, công dụng của dấu chấm lửng trong VB.- Viết được bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử, bài viết có sử dụng các yếu tố miêu tả.- Biết thảo luận về một vấn đề gây tranh cãi, xác định được những điểm thống nhất và khác biệt giữa các ý kiến khi thảo luận.- Biết khát vọng và ước mơ; có ý chí biến khát vọng, ước mơ tốt đẹp thành hiện thực. |
| 86 |
| 87 |
| 88 | Thực hành tiếng Việt: Mạch lạc và liên kết của văn bản | 1 |
| 23 | 89 | Đọc VB2: Đường vào trung tâm vũ trụ | 2 |
| 90 |
| 91 | Thực hành tiếng Việt: Dấu câu | 1 |
| 92 | Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử | 1 |
| 24 | 93 | Thực hành: Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử | 1 |
| 94 | Đọc VB3: Dấu ấn Hồ Khanh | 1 |
| 95 | Nói và nghe: Thảo luận về vai trò của công nghệ đối với đời sống con người | 1 |
| 96 | Trả bài:Viết bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến một nhân vật lịch sử | 1 |
| 25 | 97 | Đọc mở rộng | 1 |
| **BÀI 8. TRẢI NGHIỆM ĐỂ TRƯỞNG THÀNH (13 tiết + 4 tiết ôn tập và kiểm tra, trả bài giữa kì 2)** |
| 98 | Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn; Đọc VB1: Bản đồ dẫn đường | 4 | - Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận về một vấn đề đời sống thể hiện qua ý kiến, lí lẽ, bằng chứng và mối liên hệ giữa các ý kiến, lí lẽ, bằng chứng trong văn bản.- Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn văn bản.- Hiểu được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong văn bản; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thật ngữ.- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống; biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.- Có trách nhiệm với bản thân và với cộng đồng. |
| 99 |
| 100 |
| 26 | 101 |
| 102 | Ôn tập giữa học kì 2 | 1 | - Củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học đến hết tuần 25.- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. |
| 103 | Kiểm tra, đánh giá giữa học kì 2 | 2 | - Kiểm tra kiến thức để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức kĩ năng trong chương trình Ngữ văn đến hết tuần 25 ở cả 3 phân môn: Văn-Tiếng Việt và Tập làm văn.-Vận dụng những kiến thức và kĩ năng đã học để đánh giá tổng hợp và toàn diện năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của HS.  |
| 104 |
| 27 | 105 | Thực hành tiếng Việt: Mạch lạc và liên kết | 1 | - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn văn bản.- Hiểu được các biện pháp và từ ngữ liên kết thường dùng trong văn bản; nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của thật ngữ.- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống; biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.- Có trách nhiệm với bản thân và với cộng đồng. |
| 106 | Đọc VB2: Hãy cầm lấy và đọc | 2 |
| 107 |
| 108 | Thực hành tiếng Việt: Thuật ngữ | 1 |
| 28 | 109 | Đọc VB3: Nói với con |  |
| 110 | Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (Thể hiện ý kiến phản đối một quan niệm, một cách hiểu khác về vấn đề) | 1 |
| 111 | Thực hành: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (Thể hiện ý kiến phản đối một quan niệm, một cách hiểu khác về vấn đề) | 1 |
| 112 | Trả bài kiểm tra, đánh giá giữa học kỳ 2 |  | - HS nhận biết ưu, nhược điểm bài kiểm tra, đánh giá giữa học kì 2. - Rèn kỹ năng đánh giá bài viết cho mình và cho bạn một cách nghiêm túc, chân thực. |
| 29 | 113 | Trả bài: Viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống (Thể hiện ý kiến phản đối một quan niệm, một cách hiểu khác về vấn đề) | 1 | - Nêu được những trải nghiệm trong cuộc sống giúp bản thân hiểu hơn văn bản.- Bước đầu biết viết bài văn nghị luận về một vấn đề trong đời sống.- Trình bày được ý kiến về một vấn đề trong đời sống; biết bảo vệ ý kiến của mình trước sự phản bác của người nghe.- Có trách nhiệm với bản thân và với cộng đồng. |
| 114 | Nói và nghe: Trình bày ý kiến về một vấn đề đời sống | 1 |
| **BÀI 9. HÒA ĐIỆU VỚI TỰ NHIÊN (13 tiết + 1 tiết đọc mở rộng)** |
| 115 | Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn; Đọc VB1: Thủy tiên tháng một | 4 | **-** Nhận biết được thông tin cơ bản của văn bản thông tin, vai trò của các chi tiết, cách triển khai, tác dụng của phương tiện phi ngôn ngữ; nêu được trải nghiệm giúp bản thân hiểu văn bản hơn.- Nhận biết được đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.- Nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của cước chú và tài liệu tham khảo văn bản thông tin; hiểu được nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó. |
| 116 |
| 30 | 117 |
| 118 |
| 119 | Thực hành tiếng Việt: Cước chú | 1 |
| 120 | Đọc VB2: Lễ rửa làng của người Lô Lô | 2 |
| 31 | 121 |
| 122 | Đọc VB3: Bản tin về hoa anh đào  | 1 |
| 123 | Thực hành tiếng Việt: Nghĩa của một số yếu tố Hán Việt thông dụng và nghĩa của những từ có yếu tố Hán Việt đó | 1 |
| 124 | Hướng dẫn: Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động | 1 |
| 32 | 125 | Thực hành: Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động | 1 |
| 126 | Đọc mở rộng | 1 | - HS chia sẻ với các bạn và thầy cô kết quả tự đọc các VB có đặc điểm thể loại và nội dung gần gũi với các VB trong bài 8. *Trải nghiệm để trưởng thành* và bài 9. *Hòa điệu với tự nhiên.* Nêu được đặc điểm thể loại, chủ đề, nội dung cơ bản của văn bản đọc. Rút ra được bài học thể hiện trong các văn bản đó.- Năng lực vận dụng kiến thức và kĩ năng được học để tự đọc những VB mới thuộc thể loại nghị luận, văn bản thông tin.- Rèn phẩm chất tự giác trong việc hoàn thiện yêu cầu cá nhân với bài học. |
| 127 | Trả bài: Viết bài văn thuyết minh về quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động | 1 | - Nắm vững được đặc điểm của văn bản giới thiệu một quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm văn bản với mục đích của nó.- Nhận biết và hiểu được đặc điểm, chức năng của cước chú và tài liệu tham khảo văn bản thông tin. |
| 128 | Nói và nghe: Giải thích quy tắc hoặc luật lệ trong trò chơi hay hoạt động | 1 |
| **BÀI 10. TRANG SÁCH VÀ CUỘC SỐNG ( 8 tiết+ + 4 tiết ôn tập và kiểm tra, trả bài cuối kì 2)** |
| 33 | 129 | Ôn tập cuối học kì 2 | 1 | - Củng cố kiến thức về các thể loại văn bản đọc, kiểu bài viết, nội dung nói và nghe, kiến thức về tiếng Việt đã học đến hết tuần 32.- Vận dụng tổng hợp các kiến thức đã học để luyện tập, củng cố kĩ năng đọc, viết, nói và nghe. |
| 130 | Kiểm tra, đánh giá cuối học kì 2 | 2 | - Kiểm tra kiến thức để đánh giá mức độ đạt chuẩn kiến thức kĩ năng trong chương trình Ngữ văn đến hết tuần 32 ở cả 3 phân môn: Văn-Tiếng Việt và Tập làm văn.-Vận dụng những kiến thức và kĩ năng đã học để đánh giá tổng hợp và toàn diện năng lực đọc – hiểu và tạo lập văn bản của HS.  |
| 131 |
| 132 | Giới thiệu bài học; Tri thức ngữ văn; Thách thức đầu tiên: Chinh phục những cuốn sách mới | 4 | - Phát triển kĩ năng tự đọc sách; đọc mở rộng văn bản văn học, văn bản nghị luận, văn bản thông tin theo các chủ đề đã học.- Nhận biết được đặc điểm của văn bản nghị luận phân tích một tác phẩm văn học, chỉ ra được mối quan hệ giữa đặc điểm và nội dung chính của văn bản với mục đích của nó.**-** Phát triển kĩ năng viết: viết về một nhân vật yêu thích.**-**Phát triển kĩ năng nói và nghe: trình bày, trao đổi về sách, nhân vật yêu thích và các đề tài có liên quan. |
| 34 | 133 |
| 134 |
| 135 |
| 136 | Viết: Thách thức thứ hai: Từ ý tưởng đến sản phẩm | 1 |
| 35 | 137 | Thực hành viết: Thách thức thứ hai: Từ ý tưởng đến sản phẩm | 1 |
| 138 | Nói và nghe: Về đích: Ngày hội với sách | 2 |
| 139 |
| 140 | Trả bài kiểm tra, đánh giá cuối học kì 2 | 1 | - Nhận biết ưu, nhược điểm của bài kiểm tra, đánh giá cuối học kì 2 dựa trên sự góp ý của thầy cô và bạn bè; Rèn luyện và phát triển kĩ năng làm bài kiểm tra tổng hợp dựa trên những nhận xét, góp ý từ giáo viên và bạn bè. |

**II. Nhiệm vụ khác (nếu có):**(Bồi dưỡng học sinh giỏi; Tổ chức hoạt động giáo dục...)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| *……….., ngày……tháng……năm 202…***BAN GIÁM HIỆU** | *…………, ngày…. tháng … năm 202…..***TỔ TRƯỞNG CHUYÊN MÔN** | *…….., ngày…. tháng … năm 202…...***GIÁO VIÊN** |